TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2024/DS-ST
Ngày: 29-3-2024
V/v "tranh chấp về ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đặng Hồng Phước
2. Bà Mai Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Anh– Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 09/2024/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 01 năm 2024, về việc: "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 26/02/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thành H, sinh năm 1991 (có đơn xin vắng mặt);

Cư trú: Tổ E, ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Chị Võ Thị Ngọc M, sinh năm 1991 (vắng mặt);

Cư trú: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình làm việc, hòa giải, giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Thành H *trình bày:*

Anh và chị M tự tìm hiểu trong khoảng 5 tháng và quyết định sống chung như vợ chồng, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn số 105, ngày 14/9/2018 tại UBND xã H, huyện C, An Giang.

Sau khi kết hôn, anh chị lên Bình Dương sinh sống được khoảng 04 năm thì trở về quê chung sống với ba mẹ ruột của anh H. Đến khoảng tháng 11 năm 2022

thì phát sinh mâu thuẫn, do chị M cờ bạc, số đề, còn mâu thuẫn với ba mẹ chồng, không tôn trọng gia đình chồng. Anh có khuyên can nhưng chị M không sửa đổi. Vợ chồng có ra ở riêng được vài tháng thì trở về nhà, chị M lại tiếp tục cũng cự cãi với cha mẹ anh, vợ chồng cũng thường xuyên cự cãi. Sau đó, anh và chị M dọn ra ở nhà tại B sinh sống. Đến tháng 11/2022, chị M chở con bỏ đi, sau này anh mới biết là về thị xã T, An Giang. Được khoảng 02 tháng thì chị M chở con về giao cho anh nuôi. Trong thời gian này chị M có tới lui thăm con. Nhưng đến tháng 06/2023 chị M lại quay về và chở con đi cho tới nay. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không liên lạc để hàn gắn do chị M đã chặn các cuộc gọi điện thoại và không cho gia đình anh hỏi thăm cháu.

Do tình cảm vợ chồng không còn, một đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị M.

- Về con chung: Có 01 đứa con chung, tên Nguyễn Gia H1, sinh ngày 02/7/2018. Hiện con đang sống với chị M. Sau ly hôn, anh đồng ý giao con cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

* *Đối với bị đơn chị* Võ Thị Ngọc M*:* Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến gia đình nhằm tạo điều kiện hòa giải đoàn tụ và hàn gắn quan hệ vợ chồng giữa hai người nhưng chị M đều vắng mặt không lý do và cũng không gửi văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh H.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn chị M: Vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Thành H, giải quyết cho anh H được ly hôn với chị Võ Thị Ngọc M; về con chung: giao cháu Gia H1 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh H không cấp dưỡng nuôi con do chị M không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

Anh Nguyễn Thành H và chị Võ Thị Ngọc M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 14 tháng 9 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nên anh H yêu cầu ly hôn với chị M. Chị M có hộ khẩu thường trú ở ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Căn cứ theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 135; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn anh H có đơn xin vắng mặt; bị đơn chị Võ Thị Ngọc M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Việc vắng mặt không lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình được pháp luật bảo vệ nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Thành H xác nhận cuộc sống hôn nhân thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng năm năm, đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không phù hợp nên anh H yêu cầu được ly hôn với chị M.

Xét thấy, cuộc sống hôn nhân vợ chồng là nhằm xây dựng một gia đình thật sự hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc và quan tâm lẫn nhau nhưng quan hệ vợ chồng giữa anh H và chị M đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn tồn tại. Tòa án tiến hành lấy lời khai của chị M theo quy định, nhưng không lấy được lời khai do chị M vắng mặt tại nhà. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án chị M đều vắng mặt, đồng thời không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng mà phía nguyên đơn anh H đã trình bày, cũng như không có văn bản thể hiện ý kiến hay có nguyện vọng là muốn duy trì quan hệ hôn nhân với anh H.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị M đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân giữa hai người không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Thành H là được ly hôn với chị Võ Thị Ngọc M.

[3] Về quan hệ con cái, cấp dưỡng: Anh Nguyễn Thành H thừa nhận giữa anh và chị Võ Thị Ngọc M có 01 con chung tên Nguyễn Gia H1, sinh ngày 02/7/2018. Mặt khác, giấy khai sinh của cháu cũng đã thể hiện rõ điều này, do đó cần công nhận cháu Nguyễn Gia H1, sinh ngày 02/7/2018 là con chung của anh H và chị M. Hiện con đang sống với mẹ. Sau khi ly hôn, anh H đồng ý giao con cho chị M

được tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy, từ khi ly thân, cháu H1 đã sống với mẹ. Do đó, để ổn định tâm lý và đảm bảo phát triển cuộc sống của cháu, cần chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Thành H là giao cháu H1 cho chị M được tiếp tục nuôi dưỡng.

[4] Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, tuy nhiên khi điều kiện kinh tế và điều kiện nuôi con có thay đổi thì các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng trong một vụ kiện khác.

Chị Võ Thị Ngọc M có quyền tới lui, thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

[5] Về quan hệ tài sản, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Do anh Nguyễn Thành H có yêu cầu ly hôn với chị Võ Thị Ngọc M nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình 2014;

Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, khoản 2 Điều 227, 228, Điều 271, Điều 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Nguyễn Thành H. Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Thành H đối với chị Võ Thị Ngọc M.

2. Về quan hệ con cái, cấp dưỡng: Công nhận cháu Nguyễn Gia H1, sinh ngày 02/7/2018 là con chung của anh Nguyễn Thành H và chị Võ Thị Ngọc M;

+ Tiếp tục giao cháu Nguyễn Gia H1, sinh ngày 02/7/2018 cho chị Võ Thị Ngọc M được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (hiện cháu H1 đang sống chung với chị M); anh Nguyễn Thành H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị M không yêu cầu;

+ Anh Nguyễn Thành H cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về quan hệ tài sản, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Thành H phải chịu 300.000₫ án phí hôn nhân sơ thẩm, đã nộp tạm ứng án phí 300.000₫ theo biên lai thu số 0004415 ngày 12/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, An Giang, được khấu trừ nên anh H đã nộp xong.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Thành H và chị Võ Thị Ngọc M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi gởi:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND.Châu Thành;
- Chi cục THADS.Châu Thành;
- Cơ quan nơi đăng kí kết hôn;
- Phòng KTNV và THA;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Mỹ Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA